

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 08-5-2023

“V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Mỹ Phúc
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-KDTM, ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Bao bì S (gọi tắt là Công ty S). Địa chỉ trụ sở: xã H, huyện C, TP. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hoàng Đ, chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: Phường A, quận P, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Bột Mì N (gọi tắt là Công ty N). Địa chỉ: Phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh H, chức vụ: Giám đốc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: xã S, huyện T, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2022, 01/12/2022 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Bao bì S (gọi tắt là Công ty S) do ông Võ Hoàng Đ là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 02/01/2020, Công ty Cổ phần Bao bì S ký với Công ty TNHH MTV Bột mì NHợp đồng nguyên tắc (không ghi số) về việc Công ty S cung cấp các mặt hàng: Thùng và giấy tấm carton các loại cho Công ty Đại Nam.

Công ty S đã giao đầy đủ hàng hóa theo đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng. Đại diện hai Công ty đã ký biên bản bàn giao số lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay từ khi nhận hàng, ông Lưu Anh D đại diện Công ty N ký xác nhận lần cuối ngày 06/6/2022 xác nhận các số liệu chứng từ ghi sổ và chứng từ thanh toán hóa đơn và nhập hàng đúng theo công nợ.

Theo bảng đối chiếu công nợ tính đến hết ngày 31/12/2021, tổng giá trị hợp đồng là 890.773.400đ, Công ty N đã thanh toán 449.963.450đ, còn nợ Công ty S 440.809.950đ. Đại diện Công ty S và ông Phạm Minh H là người đại diện của Công ty N đã ký vào bảng Tổng hợp công nợ thanh toán tính đến ngày 31/12/2021, thống nhất Công ty N còn nợ Công ty S 440.809.950đ. Công ty S đã nhiều lần gửi thông báo, đến trực tiếp và tiếp tục gửi Thông báo nhắc nợ lần cuối vào ngày 20/10/2022 nhưng Công ty N chưa thanh toán tiền hàng còn nợ 440.809.950đ, tương ứng với 06 Phiếu xuất kho và 06 hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

- Phiếu xuất kho ngày 15/10/2021, hàng hóa đã ra công cùng ngày; tổng giá trị hợp đồng là 102.363.250đ. Công ty N đã thanh toán được 40.000.000đ vào ngày 15/10/2021, còn nợ 62.363.250đ;

- Phiếu xuất kho ngày 18/10/2021, hàng hóa đã ra công ngày 19/10/2021; tổng giá trị 146.031.600đ, chưa thanh toán, còn nợ 146.031.600.

- Phiếu xuất kho ngày 21/10/2021, hàng hóa đã ra công cùng ngày; tổng giá trị 127.449.300đ, chưa thanh toán, còn nợ 127.449.300đ.

- Ngày 22/10/2021, tổng giá trị hợp đồng là 32.732.700đ, đã thanh toán 32.594.700đ, còn nợ 138.000đ.

- Phiếu xuất kho ngày 23/10/2021, hàng hóa đã ra công cùng ngày; tổng giá trị hợp đồng là 56.166.000đ, chưa thanh toán, còn nợ 56.166.000đ.

- Phiếu xuất kho ngày 17/11/2021, hàng hóa đã ra công cùng ngày; tổng giá trị hợp đồng 48.661.800đ, chưa thanh toán, còn nợ 48.661.800đ.

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/10/2021, số 0003422, tổng tiền thanh toán 102.363.250đ;

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 19/10/2021, số 0003435, tổng tiền thanh toán 146.031.600đ;

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 21/10/2021, số 0003464, tổng tiền thanh toán 127.449.300đ;

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 22/10/2021, số 0003465, tổng tiền thanh toán 32.732.700đ;

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 23/10/2021, số 0003479, tổng tiền thanh toán 56.166.000đ;

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 17/11/2021, số 0003446, tổng tiền thanh toán 48.661.800đ.

Ngày 27/10/2022, Công ty Nc Công văn số 07/27/10/2022/SV-ĐN v/v cam kết thanh toán công nợ quá hạn, do ông H – Giám đốc xác nhận: Qua đối chiếu tính đến ngày 27/10/2022, chúng tôi còn nợ Công ty S 440.809.950đ và hứa sẽ thanh toán dần nhưng đến nay chưa thanh toán đã gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế cho công ty S.

Nay Công ty S yêu cầu Công ty N phải trả nguyên đơn nợ gốc là 440.809.950 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày xử sơ thẩm và tiếp tục thanh toán lãi chậm trả đến khi nào bị đơn thanh toán xong nợ gốc cho Công ty S với mức lãi suất 1%/tháng theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, không yêu cầu tính lãi theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương Mại.

* Bị đơn Công ty TNHH MTV Bột mì N(gọi tắt là Công ty N) đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Võ Hoàng Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bị đơn trả tiền hàng còn nợ 440.809.950đồng và lãi chậm thanh toán 1%/tháng từ ngày 01/01/2022 đến ngày xử sơ thẩm ngày 08/5/2023 (01 năm 04 tháng 07 ngày, tính tròn là 01 năm 04 tháng) = 70.529.592đ. Tổng cộng: 511.339.542đ và yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi chậm trả đến khi nào thanh toán xong nợ gốc cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/12/2022, đến ngày 17/3/2023 mới ra quyết định định vụ án ra xét xử là chưa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại năm 2005; Điều 3, 85, 134, 430, 440, 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Bao bì S. Buộc Công ty Nphải trả Công ty Cổ phần Bao bì S tổng cộng 511.339.542đ tính đến ngày 08/5/2023. Trong đó: Tiền hàng hóa là 440.809.950đ; Lãi chậm thanh toán là 70.529.592đ; Công ty Nphải chịu án phí kinh doanh thương mại là 24.453.581đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty Cổ phần Bao bì S khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV Bột Mì Nvê tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa vì cho rằng quyền và lợi ích của Công ty S bị xâm phạm là có quyền khởi kiện; bị đơn có trụ sở tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; người đại diện hợp pháp của bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt đương sự. Vì vậy thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 30, 35, 39, 186, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc ngày 02/01/2020 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Bao bì S đại diện là ông Võ Hoàng Đ – Chức vụ: Giám đốc với Công ty TNHH MTV Bột mì Ndo bà La Ngọc L làm đại diện. Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã nhiều lần cung cấp cho Công ty Nđầy đủ các mặt hàng đúng nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng, bao gồm: Thùng và giấy tấm carton các loại bằng số tiền 890.773.400đ. Công ty Nđã thanh toán 449.963.450đ, còn nợ Công ty S 440.809.950đ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bao gồm: 06 Phiếu xuất kho các ngày: 15/10/2021, 18/10/2021, 21/10/2021, 22/10/2021, 23/10/2021, 17/11/2021 và 06 hóa đơn giá trị gia tăng các ngày: 15/10/2021, 19/10/2021, 21/10/2021, 22/10/2021, 23/10/2021 và 17/11/2021.

Căn cứ bảng “Tổng hợp công nợ thanh toán”, khách hàng: Công ty TNHH MTV Bột mì Ntính đến ngày 31/12/2021 (bút lục 66); bảng “Tổng hợp công nợ thanh toán”, khách hàng: Công ty TNHH MTV Bột mì Ntính đến ngày 31/5/2022 (bút lục 67), Công ty Nhoàn toàn không phản đối số nợ còn thiếu Công ty S; đồng thời, ngày 27/10/2022, ông Phạm Minh H – Giám đốc của Công ty Ngời đến Công ty S Công văn số 07/27/10/2022/SV-ĐN (bút lục 68) v/v cam kết thanh toán công

nợ quá hạn với nội dung: Qua đối chiếu tính đến ngày 27/10/2022, chúng tôi còn nợ Công ty S 440.809.950đ và hứa sẽ thanh toán dần mỗi tháng 20.000.000đ nhưng đến nay không thanh toán là ảnh hưởng quyền lợi của Công ty S, nên Công ty S yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả:

Căn cứ đoạn 2.2.3, mục 2.2, Điều 2 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 02/01/2020 quy định “Bên B thanh toán cho Bên A trong thời gian 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Trong trường hợp Bên B thanh toán chậm cho Bên A theo thời gian quy định nêu trên, Bên B phải chịu lãi suất 1,5%/tháng...”

Theo bảng đối chiếu công nợ tính đến hết ngày 31/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn 440.809.950đ đến nay chưa thanh toán. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả là 1%/tháng tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày xử sơ thẩm và tiếp tục thanh toán lãi chậm trả đến khi nào bị đơn thanh toán xong nợ gốc cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, không yêu cầu tính lãi theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Cụ thể: $440.809.950đ \times 1\%/tháng \times 16 tháng = 70.529.592đ$.

Từ những phân tích trên, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 440.809.950đ và lãi chậm trả tính đến ngày 08/5/2023 là 70.529.592đ. Tổng cộng: 511.339.542đồng và tiếp tục thanh toán lãi chậm trả đến khi nào bị đơn thanh toán xong nợ gốc cho nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật (từ 400.000.000đ đến 800.000.000đ, mức thu: 20.000.000đ + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đ). Cụ thể bị đơn phải nộp: $20.000.000đ + (4\% \times 111.339.000đ) = 24.453.560đ$ – tính tròn 24.454.000đ.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Như phân tích trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 55, 292 Luật Thương mại năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Bao bì S.

Buộc Công ty TNHH MTV Bột Mì Nphải thanh toán cho Công ty Cổ phần Bao bì S tiền hàng hóa, tổng cộng: 511.339.542đ (năm trăm mười một triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi hai đồng). Bao gồm: Nợ gốc 440.809.950đ; lãi chậm trả tính đến ngày 08/5/2023 là 70.529.592đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH MTV Bột Mì Nphải nộp 24.454.000đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Hoàn trả Công ty Cổ phần Bao bì S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.816.000đ (mười một triệu tám trăm mười sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số No 0001717 ngày 02/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

